

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 37/2020/HSST.

Ngày 27/11/2020.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mai Thu và bà Lưu Thị Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/11/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2020/HSST ngày 13/11/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HS ngày 16/11/2020 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Chí N, sinh năm 1986 tại tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Con ông: Đỗ Chí T, sinh năm: 1958 và bà: Vũ Thị M, sinh năm: 1961; Vợ bị cáo là Bùi Thị N; sinh năm 1992; Có 01 con tên là Đỗ Bảo Y, sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án số 11/HSST, ngày 08/12/2005 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù về: Tội trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích).

Ngày 25/9/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định số 2431/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong).

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Lê Xuân T, sinh năm 1989 tại tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Con ông Lê Xuân N (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1964; Vợ bị cáo tên là H' N, có 01 con tên là Lê Thị A M, sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 29/5/2020, Công an huyện B ra Quyết định số 15/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau với số tiền 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp xong.

3. Họ và tên: Đào Văn C, sinh ngày 24/4/1992 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Con ông: Đào Văn T, sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- **Người bị hại:** Ông Nguyễn Văn L – sinh năm 1965.

Trú tại: Khu du lịch sinh thái B, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/8/2020, gia đình Lê Xuân T có đám giỗ do đó T đã mời các bạn là Đỗ Chí N và Đào Văn C đến nhà ăn cơm tối. Khoảng 20h cùng ngày, trong lúc ngồi ăn cơm thì T rủ Nam và C cùng đi vào Vườn Quốc gia Y đào cây Mai rừng đưa về trồng nhưng N nói rằng thời gian trước đây trong lúc đi làm phát hiện được trong Khu du lịch sinh thái B, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk có trồng nhiều cây Mai làm cảnh nên N đã rủ C và T cùng mình đến Khu du lịch sinh thái B để trộm cắp cây Mai đưa về bán lấy tiền chia nhau; T và C đã đồng ý tham gia. Sau khi đã bàn bạc, thống nhất thì T lấy xe mô tô nhãn hiệu Surius mang BKS: 47S1-145.51 làm phương tiện chở N và C đi đến Khu du lịch sinh thái B thuộc buôn E, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 23h00' cùng ngày, khi đến nơi thì cả ba giấu xe mô tô ở ven đường và đi bộ vào khu vực hàng rào bao quanh khu du lịch; tại đây N phân công T và C đứng ở ngoài để cảnh giới còn N trèo qua hàng rào vào trong khu vực vườn Mai thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Khi đã vào trong khu vực vườn Mai và quan sát thấy tại đây có khoảng 05 - 06 cây Mai cảnh đều được trồng trong các chậu riêng biệt nên đã lựa chọn lấy 01 (một) cây Mai trồng trong chậu sứ màu xanh đặt gần khu vực cổng ra vào; N dùng tay nhổ cây Mai ra khỏi chậu và ôm, vác cây Mai đưa qua hàng rào cho T và C hỗ trợ đưa ra ngoài; cả ba thay phiên nhau vận chuyển cây Mai đến vị trí cất giấu xe mô tô và dùng xe mô tô vận chuyển đến nhà T cất giấu. Ngày 15/8/2020 cả ba hẹn gặp nhau tại nhà T để bàn bạc về việc bán cây Mai, do C thấy cây Mai có hình dáng đẹp nên muốn giữ lại để trồng do đó đã thỏa thuận sẽ đưa cho T và N mỗi người số tiền là: 1.000.000đ (một triệu đồng) để được nhận cây Mai trên. N và T đồng ý và mỗi người đã nhận được từ C số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng), số tiền trên cả hai đã dùng tiêu xài cho cá nhân hết; còn C đã đưa cây Mai về nhà mình để trồng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Cơ quan điều tra Công an huyện B, xác định vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại khuôn viên sân trước Khu du lịch sinh thái B thuộc buôn E, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS, ngày 27/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện B kết luận: Giá trị 01 (một) cây Mai cảnh, loại cây tươi, có chiều cao 80cm, hoành gốc có đường kính 16cm, tại thời điểm mất trộm ngày 12/8/2020 là: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn) là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn L.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã thu giữ: 01 (một) cây Mai cảnh có chiều cao 80cm, hoành gốc có đường kính 16cm, cây đang sinh trưởng bình thường. Quá trình điều tra xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho ông Nguyễn Văn L là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát: 47S1 - 145.51, là phương tiện mà các bị cáo sử dụng để vận chuyển tài sản trộm cắp được. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị N (mẹ ruột của T); ngày 12/8/2020 do T đã tự ý lấy xe mô tô để sử dụng nên bà N không nhận biết được việc T dùng xe mô tô vào mục đích phạm tội nên đã trả lại chiếc xe trên cho bà N là phù hợp.

Ngày 16/10/2020 bị cáo Lê Xuân T đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) là tiền đã được hưởng lợi từ hành vi phạm tội mà bị can đã tham gia thực hiện. Bị cáo Đỗ Chí N chưa nộp lại số tiền đã được hưởng lợi từ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Tại Bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 11/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Đỗ Chí N, Lê Xuân T và Đào Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Đỗ Chí N, Lê Xuân T và Đào Văn C khai nhận toàn bộ hành vi do các bị cáo thực hiện phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, đánh giá, phân tích tính chất vụ án, những chứng cứ về hành vi phạm tội, về nhân thân, về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đỗ Chí N, Lê Xuân T và Đào Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Chí N.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Chí N từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù,

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Xuân T.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù,

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Văn C.

- Xử phạt bị cáo Đào Xuân C từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại trả lại 01 (một) cây Mai cảnh có chiều cao 80cm, gốc có đường kính 16cm, cây đang sinh trưởng bình thường cho ông Nguyễn Văn L là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã trả lại 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát: 47S1 - 145.51 cho bà Nguyễn Thị N là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) là tiền bị cáo Lê Xuân T đã tự nguyện giao nộp, buộc bị cáo Đỗ Chí N nộp lại số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn L đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

Các bị cáo không bào chữa.

Các bị cáo lần lượt nói lời sau cùng: Đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của các bị cáo Đỗ Chí N, Lê Xuân T và Đào Văn C tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 23 giờ ngày 12/8/2020, tại Khu du lịch sinh thái B, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Đỗ Chí N, Lê Xuân T và Đào Văn C đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) cây Mai cảnh có chiều cao 80cm, hoành gốc có đường kính 16cm, cây đang sinh trưởng bình thường, của ông Nguyễn Văn L, giá trị tài sản theo định giá là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Xét hành vi do các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại và còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Xét bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận. Như vậy, hành vi của các bị cáo Đỗ Chí N, Lê Xuân

T và Đào Văn C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự,

Tại Điều 173. Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm;

Xét thấy trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể. Tuy nhiên, cũng cần phân hóa vai trò và tính chất, mức độ và hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để xử lý cho phù hợp.

Đối với bị cáo Đỗ Chí N là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo T, C trộm cắp, có vai trò chính trong vụ án.

Đối với các bị cáo Lê Xuân T và Đào Văn C khi được bị cáo T rủ đi trộm cắp thì các bị cáo tiếp nhận ý chí tích cực và có vai trò ngang nhau.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Các bị cáo Đỗ Chí N, Lê Xuân T, Đào Văn C không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Đỗ Chí N được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h (phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn), điểm s (người phạm tội thành khẩn khai báo) khoản 1, (người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo thuộc hộ nghèo) khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Xuân T và Đào Văn C được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h (phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn), điểm i (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng), điểm s (người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1, (người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lê Xuân T và Đào Văn C, bị cáo Lê Xuân T thuộc hộ nghèo) khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Đỗ Chí N là người khởi xướng, có vai trò chính trong vụ án, có nhân thân xấu, ngày 08/12/2005 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù theo bản án số 11/HSST về “Tội trộm cắp tài sản”. Ngày 25/9/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định số 2431/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản. Do đó cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm và cao hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Lê Xuân T mặc dù trong vụ án có vai trò thấp hơn bị cáo N nhưng bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 29/5/2020, Công an huyện Buôn Đôn ra Quyết định số 15/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau. Vì vậy, cũng cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định.

Đối với bị cáo Đào Văn C tuy có vai trò như Lê Xuân T nhưng trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên không cần cách ly bị

cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền định phương và gia đình cũng đủ để răn đe và giáo dục bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại 01 (một) cây Mai cảnh có chiều cao 80cm, gốc có đường kính 16cm, cây đang sinh trưởng bình thường cho ông Nguyễn Văn L là chủ sở hữu hợp pháp và trả lại 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát: 47S1 - 145.51 cho bà Nguyễn Thị N là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) do Lê Xuân T đã tự nguyện giao nộp. Buộc bị cáo Đỗ Chí N nộp số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính từ vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Văn L đã nhận đủ tài sản, không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Các bị cáo Đỗ Chí N, Lê Xuân T thuộc hộ nghèo sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm. bị cáo Đào Văn C phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Chí N, Lê Xuân T, Đào Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Chí N.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Chí N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Xuân T.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân T 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Văn C.

- Xử phạt bị cáo Đào Văn C 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đào Văn C cho UBND xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4/ Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại 01 (một) cây Mai cảnh có chiều cao 80cm, hoành gốc có đường kính 16cm, cây đang sinh trưởng bình thường cho ông Nguyễn Văn L và đã trả lại 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu SIRIUS, màu đen, biển kiểm soát: 47S1 - 145.51 cho bà Nguyễn Thị N là các chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) là tiền bị cáo Lê Xuân T đã tự nguyện giao nộp (theo biên lai thu tiền 11555 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B). Buộc bị cáo Đỗ Chí N nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính.

5/Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Văn L đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

6/ Về án phí: Các bị cáo Đỗ Chí N, Lê Xuân T thuộc hộ nghèo sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm. bị cáo Đào Văn C phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7/ Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Bùi Xuân Sơn

